

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RC3+RP1	7:25	22+0+0	0+0+0		17+0+0	0+0+0	chuyen 2 rc3-rp1
2		TD3+P1	7:25	15+7	0+0		14+7	0+0	chuyen 1 td3-p1
3		P4+PPD	7:25	9+13	0+0		9+13	0+0	
4		P4+P1	7:25	18+4	0+0		17+5	0+0	
5		P1+CTK3	9:25	12+9	0+0		9+12	0+0	
6		HST+AMD	9:25	4+18	0+0		4+18	0+0	
7		P5+AMD	9:25	13+7	0+0		14+7	0+0	
8		PPD+P7	9:25	11+11	0+0		3+19	0+0	
9		BK8+TD3+P4	11:25	5+0+16	0+0+0		0+5+16	0+0+0	
10		RP3+PPD	11:25	5+17	0+0		3+19	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày P3-4ng, RP3-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:RP3 - RC3 - RP1	CREW: QVIỆT - N.CƯƠNG - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1362	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CHU MINH HÙNG	RP3	27	1	3	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH VIÊN	RP3	21-23	3	14			78	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NAM	RP3	04	1	7			78	KHI	Vietnamese
4	HOÀNG ĐỨC LAM ANH	RP3	12	1	3			77	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	13	1	4			72	KHI	Vietnamese
6	PHAN NGỌC QUYẾT	RP3	28	1	7			72	NIPI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HOÀ	RP3						95	NIPI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH HỒ	RP3	11	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH PHƯƠNG	RP3	02	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN DUY LONG	RP3	19-20	2	20			59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	08-10	3	9			72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯƠNG VĂN PHÚC	RP3	18	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN NAM	RP3	03	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LÊM	RP3	05-06	2	10			68	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	RP3	07	1	11			53	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN ĐƯƠNG	RP3	01	1	10			66	CODIEN	Vietnamese
17	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	25	1	7			68	KHI	Vietnamese
18	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	26	1	6			77	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	24	1	7			69	KHI	Vietnamese
20	HOÀNG VĂN CHIẾN	RP3	14-15	2	19			69	KHI	Vietnamese
21	PHẠM DUY DŨNG	RP3						79	KHI	Vietnamese
22	PHAN ANH KHANG	RP3	16-17	2	14			67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	22	1.568	28	192	1	20	17		
2	RC3	0	0	0	0	1	3	0 + 2		CHUYỂN 02 KHÁCH TỪ RC3-RP1
3	RP1	0	0	0	0	4	62	0		
TOTAL		22	1.568	28	192	6	85	17		
WEIGHT KG			1.568		192		85			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD3 - P1	CREW: LINH - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1365	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	TD3	12	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÌNH VĂN THANH	TD3	10	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH DUNG	TD3						95	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN LINH	TD3						74	NIPI	Vietnamese
5	NGUYỄN THỊ HẰNG	TD3						54	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN PHI DÂN	TD3	08	1	11			55	YTE	Vietnamese
7	HỒ QUANG HIỆP	TD3	02	1	3			68	DK9	Vietnamese
8	LƯƠNG HỮU HẬU	TD3	13	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC BÌNH	TD3	06-07	2	12			75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	TD3	04	1	10			84	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN BUI NAM	TD3	01	1	12			97	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	TD3	03	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH PHONG	TD3	05	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC HÙNG	TD3	09	1	8			84	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI THẾ DƯƠNG	TD3	11	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
16	VASIANKIN A.A	P1	48-49	2	16	1	11	120	KH-THAC	Russian
17	PIATOV S.V	P1	47	1	15			100	KH-THAC	Russian
18	NGUYỄN HOÀNG VINH	P1	51-52	2	9			76	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO MINH TUẤN	P1	50	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC HÙNG	P1	46	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUANG TRƯỜNG	P1	45	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG ANH TUẤN	P1	54	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	15	1.134	13	96	0	0	147		CHUYEN 1 PAX TD3-P1
2	P1	7	577	9	68	1	11	7		
TOTAL		22	1.711	22	164	1	11	21		
WEIGHT KG			1.711		164		11			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO: P4 - P1	CREW: LHM - TDONG - DUNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1372	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG TRONG TAN	P4	68	1	7			72	KHI	Vietnamese
2	TRAN SON NAM	P4	62	1	5			87	KHI	Vietnamese
3	LE VAN HUONG	P4	69	1	4			60	KHI	Vietnamese
4	LUONG TUAN CHUNG	P4						74	KHI	Vietnamese
5	PHAM VAN QUYEN	P4	56-57	2	16			77	KHI	Vietnamese
6	ZHURBIN	P4	63	1	5			87	KHI	Vietnamese
7	TRAN SON TIEN	P4	58-59	2	7			66	KHI	Vietnamese
8	TA VAN QUYNH	P4						74	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN NHAN HAI	P4	65	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN NGOC TUAN	P4	55	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM THAI SON	P4	66-67	2	10			59	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI MINH TUAN	P4	60	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC TAN	P4	52	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH BA NINH	P4	61	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TOAN	P4	51	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN THANH NAM	P4	54	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG	P4	53	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI MANH CUONG	P4	64	1	2			64	KH-THAC	Vietnamese
19	LE QUANG ANH HUNG	P1	68	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN LONG BIEN	P1	69	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
21	LE KIEN TRUNG	P1	71	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
22	LE DINH PHUC	P1	70	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	18	1.242	19	99	0	0	17		
2	P1	4	286	4	26	0	0	5		
TOTAL		22	1.528	23	125	0	0	22		
WEIGHT KG			1.528		125		0			

GRAND TOAL: 1.653 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BUI THỊ HIÊN LƯƠNG

CREW

LƯU THANH HẢI
NGUYỄN THỨC ĐÔNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: P4 - PPD	CREW: XHOÀN - N.ANH - THU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1368	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VÕ DUY TOÀN	P4	40	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	39	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT BĂNG	P4	38	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	37	1	3			55	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ANH THĂNG	P4	35	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TRUNG CHÍNH	P4	42	1	2			60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG TUYẾN	P4						61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	36	1	4	1	15	72	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	41	1	3			102	KHI	Vietnamese
10	HOANG ĐÌNH QUẾ	PPD	18	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	16-17	2	9			55	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM QUANG NAM	PPD	08	1	10	5	100	76	KHI	Vietnamese
13	BUI HỮU LÂN	PPD	09	1	4			77	KHI	Vietnamese
14	TU NGỌC HAI	PPD	13-15	3	11			78	KHI	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC TUẤN	PPD	03	1	3			72	KHI	Vietnamese
16	HOANG NGUYỄN TÂN ĐẠT	PPD	12	1	10			60	KHI	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC MINH	PPD	04-06	3	10			74	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN DUY	PPD	02	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	01	1	5			70	KHI	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN THÀNH	PPD	10	1	6			82	KHI	Vietnamese
21	ĐỖ VĂN TU	PPD	11	1	6			66	KHI	Vietnamese
22	HOANG MINH HIẾU	PPD	07	1	5			71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	9	636	8	36	1	15	9		
2	PPD	13	944	18	93	5	100	13		
TOTAL		22	1.580	26	129	6	115	22		
WEIGHT KG			1.580		129		115			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

(Signature)
NGUYỄN THỨC HÀ

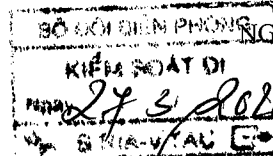
VNHS REP.

(Signature)
LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P1 - CTK3	CREW: QVIỆT - N.CƯƠNG - VŨ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1363	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TẠ QUỐC VIỆT	P1	79-80	2	20			58	YTE	Vietnamese
2	PHẠM ANH SƠN	P1	73	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ QUANG ANH	P1	78	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THE VINH	P1	75	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI VĂN BÌNH	P1						63	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI HUY NGHIỆP	P1						77	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM SỸ HIỆP	P1	76	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ NAM CƯƠNG	P1						70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG ĐÌNH HÒA	P1	72	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	77	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	81	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THẮNG	P1	74	1	5			48	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ THANH TUẤN	CTK3	51	1	9			80	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	47	1	5			65	PSV	Vietnamese
15	ĐO ĐẶNG THANH	CTK3	53-54	2	8			67	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN ANH	CTK3	48-49	2	9			77	PSV	Vietnamese
17	HOANG VĂN BẠC	CTK3				6	110	65	PSV	Vietnamese
18	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	55-56	2	11			66	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	CTK3	57-58	2	14			65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THÔNG	CTK3	50	1	4			66	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG TÂN NGHĨA	CTK3	52	1	5			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	12	773	10	66	0	0	9		
2	CTK3	9	618	12	65	6	110	12		
TOTAL		21	1.391	22	131	6	110	21		
WEIGHT KG			1.391		131		110			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯƠNG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: NAU-2	TO: HST - AMD	CREW: LINH - MTHAO - QTRUONG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1366	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN MANH HUNG	HST	05	1	13			83	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NHA	HST	02	1	9	3	45	62	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TUAN CHUNG	HST	04	1	10			60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN MINH HOAI	HST	03	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DAI NGHIA	AMD	77	1	6			73	HLJOC	Vietnamese
6	HY TAC SANG	AMD	88-89	2	15			69	TLJOC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN HIEU	AMD	90-91	2	17			91	TLJOC	Vietnamese
8	HO ANH QUOC	AMD	84	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN THANH	AMD	73	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN CONG DUNG	AMD	82-83	2	11			68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN SANH	AMD	87	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THANH HUNG	AMD	78-79	2	14	1	20	57	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG VAN DONG	AMD	80	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG VIỆT HOÀNG	AMD	86	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ANH DUY	AMD	99	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO THANH HAI	AMD	75	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI THI CAM VAN	AMD	74	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO VAN SAU	AMD	85	1	12			66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN MINH ĐỨC	AMD	98	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG DUNG	AMD	81	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU NHAN	AMD	76	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOAN VAN THUONG	AMD	97	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HST	4	275	4	41	3	45	4		
2	AMD	18	1.192	22	133	1	20	18		
TOTAL		22	1.467	26	174	4	65	22		
WEIGHT KG			1.467		174		65			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.



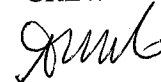
NGUYEN THUC HA

VNHS REP.



DINH THI HOA

CREW



NGO VAN LINH

MAI VAN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:58
B.CARD: VÀNG 2	TO: P5 - AMD	CREW: XHOÀN - N.ANH - THỤ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/1369	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	P5	35	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN PHÔNG	P5	34	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐỨC TÙNG	P5	27	1	7			78	YTE	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG HIỆU	P5	30	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUANG PHÚC	P5						52	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HOANG	P5	33	1	14			86	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH DŨNG	P5	28	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC HUY	P5	31	1	18			80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P5	24	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	25-26	2	16			70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	P5	29	1	13			93	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẠO VĂN THĂNG	P5	32	1	20			58	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY ĐẠI	P5	23	1	4			126	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN TOÀN	AMD	24	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI SỸ QUYÊN	AMD	31	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT LÂM	AMD	25-26	2	12			78	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN GIANG	AMD	23	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	AMD	27-28	2	20			56	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG NHÂN ĐỨC	AMD	22	1	9			71	PSV	Vietnamese
20	PHAN VĂN HOA	AMD	30	1	7			74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	13	985	13	132	0	0	14		
2	AMD	7	492	9	69	0	0	7		
TOTAL		20	1.477	22	201	0	0	21		
WEIGHT KG			1.477		201		0			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO: PPD - P7	CREW: LHM - TDONG - DUNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/1373	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VIET DAI	PPD	30	1	4	1	19	72	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN VAN VINH	PPD	25	1	4			70	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC THU	PPD	33	1	7			63	KHI	Vietnamese
4	PHUNG VAN CHINH	PPD	29	1	4			81	KHI	Vietnamese
5	ĐANG VAN BAN	PPD						84	KHI	Vietnamese
6	NGO SY THANH	PPD	26	1	5			87	KHI	Vietnamese
7	HUYNH NAM LONG	PPD	24	1	7			70	KHI	Vietnamese
8	PHAM HONG THAI	PPD	31	1	5			66	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG DAI NGHIA	PPD	27	1	6			78	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	28	1	6			50	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN DUC NGOC	PPD	32	1	6			66	KHI	Vietnamese
12	BUI VAN BAC	P7	24	1	6	3	45	72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM HOANG HUNG	P7	19-20	2	14			83	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN LUU	P7	21	1	6			68	YTE	Vietnamese
15	HUYNH THANH TAM	P7	34	1	6			91	KH-THAC	Vietnamese
16	TRUONG VAN QUANG	P7	22	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN THIEN	P7	23	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUANG THANH	P7	14-15	2	7			73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN LUONG TAM	P7	17-18	2	9			73	KH-THAC	Vietnamese
20	HO NGHIA TAI	P7	16	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
21	LE NGOC HAI	P7	25	1	7			91	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG VIET HUNG	P7	26	1	3			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	11	787	10	54	1	19	3		
2	P7	11	846	14	73	3	45	19		
TOTAL		22	1.633	24	127	4	64	22		
WEIGHT KG			1.633		127		64			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

BUI THI HIEN LUONG

CREW

LUU THANH HAI
NGUYEN THUC DONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK8 - TD3 - P4	CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG - HUY	ETA: 14:55
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/1364	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TA NGOC AN	BK8	04-05	2	14			65	VIEN ĐONG	Vietnamese
2	NGUYEN TUAN ANH	BK8	06	1	12			92	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HIEN	BK8	01	1	15	2	30	58	XAYLAP	Vietnamese
4	VÔ QUỐC THANH	BK8	02-03	2	19			77	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN QUỐC TRUNG	BK8	07-08	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
6	VU XUAN TIEN	TD3	2000	1	7			70	PSV	Vietnamese
7	TRUONG MINH HOANG	P4	30	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC LAN	P4	31	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VAN HUNG	P4						79	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN CHIEN CONG	P4	29	1	3			66	KHI	Vietnamese
11	VŨ NGỌC TUAN	P4	26	1	4			83	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN ĐANG TUAN	P4	27	1	3			67	KHI	Vietnamese
13	TRẦN TRỌNG PHONG	P4	33	1	7			67	YTE	Vietnamese
14	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4	19	1	5			78	PSV	Vietnamese
15	ĐÀO VĂN DUNG	P4	20	1	5			75	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN CÁN	P4	23	1	4			68	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN HUU HA	P4	32	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN SON	P4	28	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐAM VĂN QUANG	P4	24	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRỌNG HAI	P4	25	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN BA	P4	22	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ HỒNG TRUNG	P4	21	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	5	362	8	77	2	30	0		
2	TD3	1	70	1	7	0	0	5		
3	P4	16	1.150	15	83	0	0	16		
TOTAL		22	1.582	24	167	2	30	21		
WEIGHT KG			1.582		167		30			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: RP3 - PPD	CREW: LINH - MTHAO - DTUNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/1367	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG VAN TRONG	RP3	31	1	5	1	20	98	PSV	Vietnamese
2	BUI ĐỨC KHANH	RP3	30	1	5			54	PSV	Vietnamese
3	PHẠM THAI SON	RP3	32-33	2	14			59	CODIEN	Vietnamese
4	HA MẠNH HOÀNG	RP3	34	1	8			76	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG ANH	RP3	35	1	12	2	12	96	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN SƠN HAI	PPD	35	1	5			74	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG	PPD	36	1	5			75	KHI	Vietnamese
8	ĐẬU TRỌNG HOÀNG	PPD	38	1	4			67	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH TRƯƠNG	PPD	37	1	6			71	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	PPD	42	1	3			72	KHI	Vietnamese
11	LÊ NHỎ CANG	PPD	41	1	8			71	PSV	Vietnamese
12	LƯU QUY TRUNG	PPD	39	1	4			69	PSV	Vietnamese
13	TÀ QUANG PHỤC	PPD	44	1	3			112	PSV	Vietnamese
14	LY CHUYỀN CHIÊU	PPD	43	1	5			107	PSV	Vietnamese
15	HOANG VAN DOANH	PPD	40	1	5			66	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	PPD	49	1	15	4	70	79	CODIEN	Vietnamese
17	LÊ VĂN NINH	PPD	48	1	18			74	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN MINH HOÀNG	PPD	45	1	16			86	CODIEN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TRANG	PPD	46	1	16			64	CODIEN	Vietnamese
20	PHAN VĂN HIỆU	PPD	47	1	14			60	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN NAM HOÀNG	PPD	50	1	16			54	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				PCS
1	RP3	5	383	6	44	3	32	3	
2	PPD	16	1.201	16	143	4	70	19	
TOTAL		21	1.584	22	187	7	102	22	
WEIGHT KG			1.584		187		102		

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO